



shí zhì xìng

实质性

adjective · substantive, essential

Example Sentences

Shuāng fāng méi yǒu dá chéng shí zhì xìng xié yì
双方没有达成实质性协议。

The two sides did not reach a substantive agreement.

Wǒ men xū yào zuò chū shí zhì xìng gǎi biàn
我们需要做出实质性改变。

We need to make substantive changes.

Trace each character, then write the word on your own.

实	实	实	实	实	实	实	实	实	实	实
质	质	质	质	质	质	质	质	质	质	质
性	性	性	性	性	性	性	性	性	性	性